

PHỤ LỤC 2

Quy trình giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, thay thế lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết ngành nông nghiệp và môi trường

(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- UBND ngày tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (vnd)	GHI CHÚ
1. Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)- Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC xã, phường	0,5 ngày làm việc	Chưa quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 529/QĐ-UBND ngày 06/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý	Trưởng phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng chuyên môn cấp xã/ Phường	3 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		

B. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ

STT	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (vnd)	GHI CHÚ
I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y					
1. Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước (Mã TTHC 3.000127). Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	Cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện đến hết ngày 31/12/2026. Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin MCQG trước ngày
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên - Phòng Chăn nuôi	12,5 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày làm việc		

					31/12/2026 thì UBND cấp tỉnh thực hiện giải quyết TTHC kể từ ngày kết nối
2. Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu (Mã TTHC 3.000128). Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	Cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện đến hết ngày 31/12/2026. Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin MCQG trước ngày 31/12/2026 thì UBND cấp tỉnh thực hiện giải quyết TTHC kể từ ngày kết nối
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên - Phòng Chăn nuôi	12,5 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày làm việc		
3. Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung (Mã TTHC 3.000129). Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	Cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện đến hết ngày 31/12/2026. Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin MCQG trước ngày 31/12/2026 thì UBND cấp tỉnh thực hiện giải quyết TTHC kể từ ngày kết nối
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên - Phòng Chăn nuôi	3,5 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			5 ngày làm việc		
4. Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung (Mã TTHC 3.000130). Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	Cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện đến hết ngày 31/12/2026. Chủ tịch UBND cấp tỉnh
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên - Phòng Chăn nuôi	8,5 ngày làm việc		

Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin MCQG trước ngày 31/12/2026 thì UBND cấp tỉnh thực hiện giải quyết TTHC kể từ ngày kết nối
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		
5. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Mã TTHC: 1.011031. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên - Phòng Chăn nuôi	18 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			20 ngày làm việc		
6. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Mã TTHC: 1.011032. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên - Phòng Chăn nuôi	2 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
7. Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu. Mã TTHC: 1.008124. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	Cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện đến hết ngày 31/12/2026. Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên - Phòng Chăn nuôi	2 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		

Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		kết nối Cổng thông tin MCQG trước ngày 31/12/2026 thì UBND cấp tỉnh thực hiện giải quyết TTHC kể từ ngày kết nối
8. Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu. Mã TTHC: 1.008125. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	Cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện đến hết ngày 31/12/2026. Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin MCQG trước ngày 31/12/2026 thì UBND cấp tỉnh thực hiện giải quyết TTHC kể từ ngày kết nối
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên - Phòng Chăn nuôi	2 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
9. Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Mã TTHC: 1.008122. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	350.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần (mức thu phí và lệ phí nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đến hết 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/06/2025 của Bộ Tài chính: 175.000đ/01 sản phẩm/mục đích)	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên - Phòng Chăn nuôi	8,5 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		
10. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu) Mã TTHC 1.008126. Một phần					
- Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường	Nội dung thực hiện theo Quyết định

Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	0,5 ngày làm việc	hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần (mức thu phí và lệ phí nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đến hết 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/06/2025 của Bộ Tài chính: 2.850.000đ/01 cơ sở)	521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên - Phòng Chăn nuôi	16,5 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			18 ngày làm việc		
- Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế: 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần; mức thu phí và lệ phí nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đến hết 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/06/2025 của Bộ Tài chính: 800.000đ/01 cơ sở)	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên - Phòng Chăn nuôi	8,5 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		
11. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu) Mã TTHC 1.008127. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	250.000 đ/01 cơ sở/lần (mức thu phí và lệ phí nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đến hết 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/06/2025 của Bộ Tài chính: 125.000đ/01 cơ sở)	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên - Phòng Chăn nuôi	1,75 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		

Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
12. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn Mã TTHC 1.008128. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần (mức thu phí và lệ phí nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đến hết 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/06/2025 của Bộ Tài chính: 1.150.000đ/01 cơ sở)	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	01 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên - Phòng Chăn nuôi	22 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			25 ngày làm việc		
13. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn Mã TTHC 1.008129. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	250.000 đ/01 cơ sở/lần (mức thu phí và lệ phí nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đến hết 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/06/2025 của Bộ Tài chính: 125.000đ/01 cơ sở)	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên - Phòng Chăn nuôi	1,75 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
II. LĨNH VỰC THÚ Y					
1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin). Mã TTHC: 1.002549 Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần.	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thú y	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thú y	5,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			8 ngày làm việc		

				- Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	
2. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin). Mã TTHC: 1.014777 Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thú y	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thú y	5,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			8 ngày làm việc		
3. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin). Mã TTHC 1.002432 - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thú y	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thú y	2,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			5 ngày làm việc		
4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin). Mã TTHC 1.013809- Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần.	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thú y	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thú y	5,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			8 ngày làm việc		

				- Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	
5. Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp có thay đổi về địa điểm, quy mô, chủng loại, loại hình nghiên cứu, sản xuất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin). Mã TTHC 1.013813-Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thú y	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thú y	5,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			8 ngày làm việc		
6. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của cơ quan, tổ chức (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin). Mã TTHC 1.013811- Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thú y	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thú y	2,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
7. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y. Mã TTHC: 1.002409- Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thú y	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thú y	5,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			8 ngày làm việc trực tiếp		

8. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y. Mã TTHC: 1.014778 Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thú y	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thú y	5,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			8 ngày làm việc trực tiếp		
9. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký). Mã TTHC 1.002373 - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thú y	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thú y	2,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			5 ngày làm việc		
10. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y. Mã thủ tục: 1.001686- Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	230.000 đồng/lần	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thú y	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thú y	5,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			8 ngày làm việc		
11. Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y Mã thủ tục hành chính: 1.014779 Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	230.000 đồng/lần	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thú y	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thú y	5,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc		

		Sở Nông nghiệp và Môi trường			
Tổng cộng thời gian giải quyết			8 ngày làm việc		
12. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y. Mã thủ tục: 1.004839- Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thú y	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thú y	2,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			5 ngày làm việc		
13. Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y. Mã TTHC 1.004756					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận Sở	0.5 ngày làm việc	+ 50.000 đồng/lần (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính) + 25.000 đồng/lần (áp dụng từ kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính)	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Thú y	0.5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thú y	03 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục	0.5 ngày làm việc		
Bước 5	Nhận kết quả và trả kết quả	Bộ phận trả kết quả Sở	0.5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
14. Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y. Mã TTHC 2.001064					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận Sở	0.5 ngày làm việc	+ 50.000 đồng/lần (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính) + 25.000 đồng/lần (áp dụng từ kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính)	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Thú y	0.5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thú y	01 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục	0.5 ngày làm việc		
Bước 5	Nhận kết quả và trả kết quả	Bộ phận trả kết quả Sở	0.5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
15. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y. Mã TTHC: 1.005319 (Một phần)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận Sở	0.5 ngày		

			làm việc	+ 50.000 đồng/lần (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính)	Nội dung thực hiện theo Quyết định 521/QĐ-UBND ngày 05/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Thú y	0.5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thú y	01 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục	0.5 ngày làm việc		
Bước 5	Nhận kết quả và trả kết quả	Bộ phận trả kết quả Sở	0.5 ngày làm việc	+ 25.000 đồng/lần (áp dụng từ kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính)	
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
16. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh Mã TTHC 2.000873 (Một phần)					
16.1 Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định hoặc từ cơ sở thu gom, kinh doanh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh				- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả thủy sản): theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2026
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển kiểm dịch viên xử lý (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	0.25 ngày làm việc		
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền	3 ngày làm việc		
Bước 3	Phát hành văn bản và lưu kho số hóa hồ sơ	Văn thư	0.5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	0.25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			04 ngày làm việc		
16.2 Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển kiểm dịch viên xử lý (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	0.25 ngày làm việc		
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền	1 ngày làm việc		
Bước 3	Phát hành văn bản và lưu kho số hóa hồ sơ	Văn thư	0.5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	0.25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		
16.3 Kiểm dịch động vật thủy sản thương phẩm xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh					

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển kiểm dịch viên xử lý (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	0.25 ngày làm việc		
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền	3 ngày làm việc		
Bước 3	Phát hành văn bản và lưu kho số hóa hồ sơ	Văn thư	0.5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	0.25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			04 ngày làm việc		
<i>16.4 Kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển kiểm dịch viên xử lý (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	0.25 ngày làm việc		
Bước 2	Thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch	Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền	3 ngày làm việc		
Bước 3	Phát hành văn bản và lưu kho số hóa hồ sơ	Văn thư	0.5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	0.25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			04 ngày làm việc		
17. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh. Mã TTHC 1.002338					
<i>17.1 Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại Khoản 1 Điều 37, Luật Thú y</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển kiểm dịch viên xử lý (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	0.25 ngày làm việc	- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả thủy sản): theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật,	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2026
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền	5 ngày làm việc		
Bước 3	Phát hành văn bản và lưu kho số hóa hồ sơ	Văn thư	0.5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	0.25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			06 ngày làm việc		
<i>17.2 Đối với động vật xuất phát từ cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển kiểm dịch viên xử lý (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	0.25 ngày làm việc		

Bước 2	Xử lý hồ sơ	Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền	1 ngày làm việc	chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật
Bước 3	Phát hành văn bản và lưu kho số hóa hồ sơ	Văn thư	0.5 ngày làm việc	
Bước 4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	0.25 ngày làm việc	
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc	
17.3 Kiểm dịch đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y 2015				
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển kiểm dịch viên xử lý (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	0.25 ngày làm việc	
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền	5 ngày làm việc	
Bước 3	Phát hành văn bản và lưu kho số hóa hồ sơ	Văn thư	0.5 ngày làm việc	
Bước 4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	0.25 ngày làm việc	
Tổng cộng thời gian giải quyết			6 ngày làm việc	
17.4 Kiểm dịch đối với sản phẩm động vật đã được lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh đã được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc cơ sở không phải thực hiện kiểm tra vệ sinh thú y định kỳ theo quy định của pháp luật về thú y				
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển kiểm dịch viên xử lý (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	0.25 ngày làm việc	
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Kiểm dịch viên động vật được ủy quyền	1 ngày làm việc	
Bước 3	Phát hành văn bản và lưu kho số hóa hồ sơ	Văn thư	0.5 ngày làm việc	
Bước 4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh	0.25 ngày làm việc	
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc	

III. LĨNH VỰC THỦY SẢN

1. Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần. Mã thủ tục: 1.004929 - Toàn trình

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		

Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	03 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản. Mã thủ tục: 1.003650- Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	01 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
3. Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (vì mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu, hợp tác quốc tế). Mã thủ tục: 1.003851 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Chuyên viên Phòng Thủy sản	13 ngày làm việc		
Bước 4	Ký, Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày làm việc		
4. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản. Mã thủ tục: 1.003634– Toàn trình					

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	01 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		
5. Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản. Mã thủ tục: 1.003586– Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	01 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		
6. Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản. Mã thủ tục: 1.003681– Toàn trình					
6.1. Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản bán, tặng, cho, thừa kế					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,2 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	0,2 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	0,2 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,2 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,2 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		

6.2. Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản phá hủy, phá dỡ					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	0,25 ngày		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	2 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày		
Bước 5	Trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
6.3. Đối với tàu cá Việt Nam xuất khẩu, viện trợ					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,2 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	0,2 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	0,2 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,2 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,2 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		
6.4. Đối với tàu bị chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Chưa có văn bản quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	28 ngày		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 5	Trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		

Tổng cộng thời gian giải quyết			30 ngày		
6.5 Đối với tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	0.5 ngày		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản	28 ngày		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 5	Trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			30 ngày		
7. Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên). Mã thủ tục: 1.004923 – Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	1 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	26 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh xử lý	6 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			35 ngày làm việc		
8. Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên). Mã thủ tục: 1.004921 – Toàn trình					
<i>Trường hợp 1: Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết

Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	0,25 ngày làm việc		định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	1,75 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	02 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
<i>Trường hợp 2: Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản phạm vi quyền được giao: - Thông báo nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: 02 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	1 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	26 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	UBND tỉnh (Xin ý kiến + Văn phòng UBND tỉnh xử lý)	6 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			35 ngày làm việc		
9. Công bố mở cảng cá loại I,II. Mã thủ tục: 1.004694 – Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	4 ngày làm việc		

	<i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>				
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
10. Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản Mã TTHC: 1.004943- Một phần					
<i>a. Đối với trường hợp thẩm định và phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu)</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Chưa có quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 529/QĐ-UBND ngày 06/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Chuyên viên Phòng Thủy sản	05 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			8 ngày làm việc		
<i>b. Đối với trường hợp ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Chưa có quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 529/QĐ-UBND ngày 06/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Chuyên viên Phòng Thủy sản	05 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc		

Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			8 ngày làm việc		
11. Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. Mã thủ tục: 1.004683- Một phần					
a. Trường hợp thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Chưa có quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 529/QĐ-UBND ngày 06/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Chuyên viên Phòng Thủy sản	05 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			08 ngày làm việc		
b.Trường hợp công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Chưa có quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 529/QĐ-UBND ngày 06/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Chuyên viên Phòng Thủy sản	05 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			08 ngày làm việc		

12. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài). Mã TTHC: 1.004915 – Một phần					
12.1. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	+ 5.700.000 đồng/lần Mức phí trên chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá quy định tại Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, + 2.850.000đồng/lần theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ tài chính từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 529/QĐ-UBND ngày 06/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	07 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		
12.2 Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		
13. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ) Mã TTHC: 1.004918– Một phần					
13.1. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định.	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 529/QĐ-UBND ngày 06/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	07 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	1,5 ngày làm việc		

Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		
13.2 Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định.	
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		
14. Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản. Mã TTHC: 1.004359– Toàn trình					
14.1. Trường hợp cấp mới					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	40.000 đồng/lần (Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021)	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 529/QĐ-UBND ngày 06/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	2,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
14.2 Trường hợp cấp lại					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	20.000 đồng/lần (Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021)	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 529/QĐ-UBND ngày 06/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		

Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	1 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
15. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Mã TTHC: 1.004913- Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định.	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 529/QĐ-UBND ngày 06/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	04 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			06 ngày làm việc		
16. Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). Mã TTHC: 1.004692- Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định.	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 529/QĐ-UBND ngày 06/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	03 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
17. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý. Mã TTHC: 1.003741– Một phần					
17.1. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc (Trường hợp điều kiện cơ sở không đạt yêu cầu, cơ sở thực hiện khắc phục: Thêm 06 ngày làm việc)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết

Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc	12.450.000 đồng/lần (Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021)	định 529/QĐ-UBND ngày 06/02/2026
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	03 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		

17.2 Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định.	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 529/QĐ-UBND ngày 06/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	01 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		

18. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá. Mã TTHC: 1.004697– Toàn trình

18.1. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc (Trường hợp cơ sở không đáp ứng đủ điều kiện, cơ sở thực hiện khắc phục và gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trong thời hạn 07 ngày làm việc; Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo khắc phục, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá điều kiện cơ sở)

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định.	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 529/QĐ-UBND ngày 06/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	03 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		

18.2 Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định.	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 529/QĐ-UBND ngày 06/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		
19. Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam. Mã TTHC: 1.004344- Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định.	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 529/QĐ-UBND ngày 06/02/2026
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		
II. CẤP XÃ					
1. Công bố mở cảng cá loại III Mã TTHC: 1.004478- Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc	Chưa quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng chuyên môn cấp xã/ Phường	3,5 ngày làm việc		
Bước 3	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		

Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
2. Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý). Mã TTHC: 1.003956- Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng chuyên môn cấp xã/ Phường	33 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			35 ngày làm việc		
3. Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) .Mã TTHC: 1.004498- một phần					
- Trường hợp Đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc	Chưa quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 2	Phân công xử lý	Trưởng phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng chuyên môn cấp xã/ Phường	3 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
- Trường hợp Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc	Chưa quy định	
Bước 2	Phân công xử lý	Trưởng phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng chuyên môn cấp xã/ Phường	33 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		

Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			35 ngày làm việc		
4. Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng. Mã TTHC: 1.004680-Một phần					
- Trường hợp hồ sơ hợp lệ đầy đủ					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc	Chưa quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 2	Phân công xử lý	Trưởng phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng chuyên môn cấp xã/ Phường	1 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
- Trường hợp cần kiểm tra thực tế về tính chính xác của thông tin trong sổ theo dõi quá trình nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cấy nhân tạo thì thời gian cấp Giấy xác nhận nguồn gốc					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc	Chưa quy định	
Bước 2	Phân công xử lý	Trưởng phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng chuyên môn cấp xã/ Phường	5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		
5. Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên. Mã thủ tục: 1.004656 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc	Chưa quy định	Nội dung quy trình thực hiện theo Quyết
Bước 2	Phân công xử lý	Trưởng phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc		

Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng chuyên môn cấp xã/ Phường	3 ngày làm việc		định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		